

Bản án số: 343/2024/HS-PT

Ngày: 31-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường

Bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Lộc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thừa Thiên Huế, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa phúc thẩm xét xử trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 280/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Hoàng Thái N và bị cáo Trần Quang T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Họ và tên: Hoàng Thái N; sinh ngày: 27/01/1969, tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: xóm N, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Hoàng Văn Q (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1945; có vợ: Vi Thị L1, sinh năm 1981; con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/12/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và “Vi phạm quy định về khai

thác và bảo vệ rừng” tại bản án số 139; chấp hành xong bản án ngày 02/9/2001 tại trại giam B2; Ngày 07/4/2020, bị Công an thành phố T xử phạt 3.500.000 đồng về hành vi “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2023, đến ngày 13/7/2024 được trả tự do; có mặt.

2. Họ và tên: Trần Quang T, sinh ngày: 10/10/1984, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thôn E, xã T, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cơ Tu; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: A Rất B, sinh năm 1956 và bà: Phan Thị G, sinh năm: 1960; có vợ: Trần Thị M, sinh năm 1983; có con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2023; đến ngày 02/01/2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn sang Bảo lãnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 2022, Hoàng Thái N thông qua đối tượng Trần Văn T1 (sinh năm 1975; trú tại tổ E, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) biết được tại khu vực rừng thuộc địa bàn xã T, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế có thể khai thác được vàng sa khoáng nên đi vào khảo sát. Do có quen trước với Trần Quang T nên sau khi vào khảo sát N đã liên hệ, đặt vấn đề với T hợp tác cùng nhau khai thác vàng trái phép để thu lợi bất chính. Nghe N đặt vấn đề T thấy việc khai thác vàng tại N cũng đã dừng từ lâu, địa điểm có vàng nằm ở vùng núi sâu, hiểm trở vì vậy cơ quan chức năng địa phương sẽ không biết để xử lý nên đồng ý cùng hợp tác với N. Hai bên thỏa thuận: N sẽ gọi người từ Thái Nguyên đưa vào N, bố trí công việc, vận hành máy móc để thực hiện việc khai thác vàng; T có nhiệm vụ mua, vận chuyển lương thực, thực phẩm, đồ dùng sinh hoạt... và xăng dầu rồi thuê người vận chuyển đưa vào bãi khai thác cho nhóm khai thác vàng.

Về lợi nhuận N, T thỏa thuận tỉ lệ ăn chia số tiền thu lợi khi đi bán vàng khai thác được là N 60% - Thái 40% (tính theo tổng số tiền đã bán vàng). Đồng thời, N phải trả lại cho T chi phí sửa chữa máy móc, xăng dầu, tiền mua lương thực, thực phẩm mà Thái ứng chi và trả tiền nhân công khai thác tại bãi.

Sau khi thỏa thuận N trực tiếp đưa một nhóm người tại Thái Nguyên vào khu vực khai thác vàng để tìm, gom các thiết bị, máy móc cũ có sẵn gần khu vực khai thác đã cất giấu sẵn trong rừng gồm máy nổ loại D24, máy đục, máy đập đá, máy nghiền, chảo sàng đãi vàng... và báo cho T thuê anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1970, trú tại tổ dân phố I, thị trấn P, huyện P là thợ sửa chữa máy vào bãi sửa chữa các máy, thiết bị để chuẩn bị cho hoạt động khai thác vàng và trả công anh H 03 triệu đồng.

Từ cuối năm 2022 đến ngày 12/3/2023, N thuê nhân công từ Thái Nguyên vào Huế để làm nghề khai thác vàng, gồm: Trần Văn T2 (sinh năm: 1977), Dương Văn D (sinh năm: 1973), Đỗ Quốc Đ (Sinh năm: 1989), Nguyễn Hữu S (sinh năm: 1980), Trần Trung Đ1 (Sinh năm: 2007, con trai Trần Văn T2) đều cùng trú tại xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Miêu Văn Đ2 (Sinh năm: 2006, con nuôi Trần Văn T2) trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và Nông Văn L2 (sinh năm: 1962) trú tại xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; trong số này Đ1 và Đ2 cùng đi theo T2 vào phục vụ nấu cơm. N giao trách nhiệm cho T1 quán xuyến công việc và quản lý, phân công ca kíp đào, khai thác vàng tại bãi. Để phục vụ việc quản lý, giám sát việc khai thác vàng, Trần Quang T thuê anh Đinh Viết V, sinh năm 1982; trú tại: Thôn A B, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình để theo dõi việc khai thác; nắm tình hình sử dụng xăng dầu; lương thực, thực phẩm cho toàn bộ nhân công làm việc tại bãi và cùng Trần Văn T1 (người của N) chịu trách nhiệm quản lý, giám sát tại bãi khai thác vàng này.

Đối với phần cung cấp xăng dầu, lương thực thực phẩm... cho nhóm đào vàng. Trong quá trình nhóm N khai thác vàng, khoảng 3 đến 4 ngày, T thuê anh Trần Văn L3, sinh năm 1980 và anh Hồ Văn L4, sinh năm 1976 đều trú tại thôn E, xã T, huyện N để gửi vác hàng hóa (mà T đã mua) vào khu vực khai thác vàng cho công nhân tại đây.

Khoảng 16 giờ 30 ngày 12/3/2023, khi Trần Văn T2 đang sử dụng máy đục điện để khoan đục vách đất cạnh cửa hầm khai thác vàng, Dương Anh Đ1, Đỗ Quốc Đ, Nguyễn Hữu S, Nông Văn L2 cũng đang đập đất tại khu vực bên cạnh và đứng cách vị trí của T2 khoảng 02 mét thì thấy đất đá từ phía trên vách cao bất ngờ rơi xuống Sảng hô to để cho T2 bỏ chạy, nghe vậy T2 cầm máy đục điện trên tay chạy ra thì chân trái của T2 vấp vào sợi dây điện làm T2 ngã xuống, phần mặt bên phải đập úp vào máy đục điện, đồng thời một hòn đá phía trên rơi xuống đè vào người của T2; thấy vậy S và L2 chạy đến dùng tay để cào đất phía sau gáy và nâng phần đầu của T2 lên thì thấy từ phần trán xuống gò má phải của T2 bị vỡ, đập biến dạng; tai trái chảy máu, miệng xộc máu ra. Mọi người đào đất, đục đá để khiêng chân của T2 ra, sau

khoảng 05 phút mới nhấc được hòn đá và đưa T2 về khu lán trại cách nơi T2 bị nạn khoảng 50 mét và chỉ vài phút sau thì T2 chết.

Sau khi T2 chết, nhóm thợ khai thác vàng điện thoại báo cho anh Trần Văn T1 (là anh ruột của T2), T1 sau đó báo cho N biết sự việc để N liên hệ với T thuê xe cấp cứu và bàn cách đưa T2 về quê mai táng. Sau đó S, D1, Đ, Đ1 (con trai T2), Đ2 (con nuôi T2) đặt xác T2 vào võng rồi thay nhau khiêng ra khỏi rừng, còn L2 được phân công ở lại lán trại để trông giữ phương tiện, vật dụng khai thác. Nhóm khiêng T2 đi từ 17 giờ đến 24 giờ đêm thì ra đến khu vực có nhà dân. Tiếp đó T điều khiển xe bán tải để chở xác T2 ra gần cao tốc L - Túy Loan rồi chuyển qua xe cấp cứu 115, biển kiểm soát 43B-026.24 (mà trước đó T đã liên lạc với anh Hoàng Văn T3, sinh năm 1990; trú tại tổ I, phường H, quận L thành phố Đà Nẵng. Cùng đi trên xe có D1, Đ1 và Đ2) chở xác T2 về quê mai táng; Sáng và Đ ở lại nhà của T rồi sáng sớm hôm sau vào lại khu vực lán trại để cúng, sau đó thu dọn đồ đạc và về quê.

Sau khi đưa xác T2 về quê, N chi trả tiền xe cấp cứu vận chuyển là 16 triệu đồng và hỗ trợ đám tang của T2 số tiền là 50 triệu đồng ngày gia đình đưa T2 đi hỏa táng tại A, tỉnh Thái Nguyên (số tiền này của N và T). Sau đó thì N và T dừng việc khai thác vàng tại khu vực này.

Đối với vàng sa khoáng thu được khi khai thác tại bãi sau khi qua các công đoạn sàng, lọc ra thành phẩm thì hằng ngày V, T1 báo lại cho T và N để theo dõi. Quá trình khai thác, T và N thu gom được tổng cộng hai lần, đem đi bán được số tiền 150.023.000 đồng, sau khi trừ các khoản chi phí T còn thu lợi bất chính được 26.000.000 đồng, N còn thu lợi bất chính được 20.000.000 đồng. (BL: 74-148; 149-329)

* Kết quả thực nghiệm điều tra: Ngày 29/4/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T phối hợp với các đơn vị chức năng đã tiến hành thực nghiệm điều tra, xác định vị trí hiện trường bằng máy định vị GPS map78 (hạn tiêu chuẩn 31/3/2024), kết quả:

Hiện trường nơi xảy ra vụ việc là khu vực rừng tại xã T, huyện N, Thừa Thiên Huế (Hiện trường đã bị xáo trộn). Bao quang bãi khai thác vàng trái phép là rừng núi, có 01 lối mòn đi vào hiện trường. Chọn hướng thực nghiệm từ đầu lối mòn vào hiện trường chính ghi nhận:

- Vị trí số 1: tại vị trí có định vị X: 560621; Y: 1782657 các đối tượng N, T, L2, Sáng xác định đây là điểm đầu của lối mòn đi vào hiện trường chính (khu vực khai thác vàng trái phép), rộng 0,6 mét.

- Vị trí số 2: cách vị trí số 1 về phía hiện trường chính 2,5 mét, các đối tượng N, T, L2, Sáng xác định là khu vực đặt máy đập, nghiền, sàng, đãi khoáng sản (vàng), có 04 điểm khép góc gồm:

+ Điểm 1 (KH: Vang ND2) X: 560632; Y: 1782670;

+ Điểm 2 (KH: Vang ND3) X: 560631; Y: 1782674;

+ Điểm 3 (KH: Vang ND4) X: 560654; Y: 1782674;

+ Điểm 4 (KH: Vang ND5) X: 560657; Y: 1782669;

(Tại thời điểm thực nghiệm máy đập đá đang nằm dưới vách núi).

- Vị trí số 3: cách vị trí số 2 theo hướng thực nghiệm 7 mét, các đối tượng N, L2, Sáng xác định đây là vị trí cửa hầm khai thác, hầm khai thác đã bị sạt lở, chỉ còn thấy miệng hầm, có tọa độ X: 560647; Y: 1782663.

- Vị trí số 4: cách vị trí số 3 về hướng ngược chiều thực nghiệm có tọa độ X: 560645; Y: 1782665, các đối tượng L2, Sáng xác định đây là vị trí Trần Văn T2 bị đá đè lên người.

- Vị trí số 5: Cách vị trí số 2 theo hướng thực nghiệm 05 mét, cách vị trí số 3 là 05 mét, đối tượng Sáng đây là vị trí gia đình T2 tổ chức cúng bái, gọi hồn.

- Vị trí số 6: Cách vị trí số 2 theo hướng thực nghiệm 06 mét, các đối tượng L2, Sáng xác định đây là vị trí chuẩn bị khai thác hầm thứ hai.

- Vị trí số 7: cách vị trí số 2 theo hướng ngược chiều thực nghiệm 3,5 mét. Các đối tượng N, L2, Sáng xác định đây là vị trí giếng bạt làm bể chứa nước, được nối từ nguồn nước và mảnh bạt bị xé rách trên cọc gỗ.

- Vị trí số 8: Cách vị trí số 01 về hướng ngược chiều thực nghiệm 25 mét là lán trại khu vực khai thác vàng. Tại đây đối tượng L2 xác định vị trí Trần Văn T2 được đưa về sau khi bị đá đè tại khu vực khai thác vàng.

* Trên cơ sở kết quả điều tra, ngày 05/5/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có Công văn số 413/CV-CSHS về việc phối hợp trong công tác điều tra đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T phối hợp trả lời tọa độ khu vực các đối tượng khai thác vàng cơ quan điều tra xác định có được Sở T cấp phép hay không.

Ngày 18/5/2023, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T có Văn bản số 1683/STN-MT trả lời: “Vị trí khai thác khoáng sản thuộc địa bàn xã T, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế, có tọa độ (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3) theo Văn bản số 413 của Cơ quan điều tra không thuộc khu vực được cấp phép khai thác khoáng sản của Cơ quan có thẩm quyền; Hiện trên địa bàn huyện N

không có khu vực khoáng sản vàng được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động khai thác”. (BL: 58-73).

* Vật chứng thu giữ của vụ án:

Thu của Trần Quang T trong quá trình khám xét:

- 01 (một) cân tiểu ly, bên trên có dòng chữ “POCKET SCALE”.
- 04 (bốn) hóa đơn bán hàng của cửa hàng M1.
- 01 (một) mảnh giấy trên có dòng chữ “HIỆU VÀNG NGỌC PHƯỚC”
“XÁC ĐỊNH TUỔI VÀNG ...”.
- 01 (một) mảnh giấy trên có dòng chữ “Nhà máy” ...
- 01 (một) mảnh giấy trên có dòng chữ “HIEU VANG MY NGOC”.

Chị Trần Thị M (vợ Trần Quang T) giao nộp số tiền 10.000.000 đồng tiền T thu lợi bất chính.

* Xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu:

01 (một) cân tiểu ly, bên trên có dòng chữ “POCKET SCALE” hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh T.

Chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản của Cơ quan điều tra mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các đồ vật, tài liệu còn lại được đưa vào hồ sơ vụ án. (BL: 35-47; 504-508)

* Về phần dân sự trong vụ án: bị cáo Hoàng Thái N và Trần Văn T4 đã bồi thường gia đình anh Trần Văn T2 số tiền 50.000.000 đồng, gia đình anh T2 không yêu cầu thêm về dân sự. (BL: 327; 328).

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-P2 ngày 04/01/2024, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Hoàng Thái N và Trần Quang T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự;

Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thừa Thiên Huế đã quyết định:

[1]. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Thái N và Trần Quang T, phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

[2]. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 227; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Thái N 12 (Mười hai) tháng tù, về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 13/7/2023.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 227; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Quang T 07 (B1) tháng tù, về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 13/7/2023 đến ngày 02/01/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định kháng nghị phúc thẩm số 38/QĐ-VC2 đối với bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng thêm điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa đã rút một phần kháng nghị về sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt tù đối với hai bị cáo N và T; giữ nguyên về kháng nghị đề nghị áp dụng phạm tội “có tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 BLHS năm 2015 đối với hai bị cáo N và T.

Các bị cáo Hoàng Thái N và Trần Quang T không có ý kiến gì, đề nghị giữ nguyên mức án tòa án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, thấy:

[1.1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Cuối tháng 11 năm 2022 đến ngày 12 tháng 3 năm 2023, mặc dù không được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Thừa Thiên Huế cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định; nhưng Hoàng Thái N và Trần Quang T vẫn bàn bạc, thống nhất và thực hiện việc khai thác vàng trái phép tại vùng núi thuộc xã T, huyện N, tỉnh Thừa Thiên

Huế để bán lấy tiền. Qua việc khai thác vàng trái phép N và T đã thu được số tiền bán vàng trái phép là 150.023.000 đồng (Ninh được chia 60%; Thái được chia 40%). Vào ngày 12/3/2023, trong lúc mọi người đang tiến hành công việc, tại vị trí anh Trần Văn T2 đang dùng máy khoan đục vách đất cạnh cửa hầm khai thác vàng bị đất đá phía trên rơi xuống đè lên người dẫn đến tử vong. Hành vi tổ chức khai thác vàng không được Cơ quan chức năng cấp phép theo quy định dẫn đến hậu quả làm chết 01 người của Hoàng Thái N và Trần Quang T đã vi phạm quy định tại Điều 54 Luật Khoáng sản. Tòa án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hoàng Thái N và Trần Quang T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[1.2]. Để thực hiện hành vi phạm tội, Hoàng Thái N đã bàn bạc và thỏa thuận với Trần Quang T phương thức ăn chia tỉ lệ lợi nhuận sau khi khai thác, sau đó N đã thuê người từ Thái nguyên vào đóng lán trại để đào hầm, đập, đãi đất, đá khai thác vàng. Quá trình khai thác N trực tiếp quản lý và trả tiền công, chi phí ăn uống cho những người do N thuê khai thác; đồng thời khi vắng mặt tại hiện trường thì N giao cho Trần Văn T1 cũng là người được N thuê. Sau khi khai thác được vàng, N thỏa thuận cùng bị cáo Trần Quang T chia tỉ lệ phần trăm: Ninh 60%, T 40% giá trị để hưởng lợi số vàng đã bán được. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo N và T thuộc trường hợp “Có tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 BLHS. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về mức hình phạt: Xét thấy mức hình phạt Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo N 12 tháng tù, bị cáo T 7 tháng tù dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là nhẹ. Tuy nhiên, tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã rút phần kháng nghị về tăng hình phạt đối với hai bị cáo N và T; do đó Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt tù của Bản án sơ thẩm và kiến nghị xem xét mức hình phạt của hai bị cáo N và T theo thủ tục giám đốc thẩm.

[2] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Án phí: Các bị cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thừa Thiên Huế như sau:

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 227; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Thái N: 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 13/7/2023. (Bị cáo đã chấp hành xong).

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 227; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Quang T: 7 (Bảy) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 13/7/2023 đến ngày 02/01/2024.

2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm về các biện pháp tư pháp, về án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Hoàng Thái N, Trần Quang T không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn